

Số: 1299/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2012

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

Căn cứ Nghị định số 61/2012/NĐ-CP ngày 10/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” (gọi tắt là Chỉ số CCHC, tiếng Anh là PAR INDEX), với các nội dung chủ yếu sau đây:

**I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG**

**1. Mục tiêu**

a) Mục tiêu chung:

Xác định Chỉ số CCHC để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan, công bằng kết quả triển khai cải cách hành chính hàng năm của các bộ, cơ quan ngang bộ (gọi tắt là bộ), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là tỉnh) trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Xác định được các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC cấp bộ, cấp tỉnh theo đặc điểm, tính chất quản lý nhà nước của các bộ.

các tỉnh;

- Xác định được thang điểm, phương pháp đánh giá cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần, từ đó xác định được Chỉ số CCHC của từng bộ, từng tỉnh;

- Xây dựng được bộ câu hỏi điều tra xã hội học theo từng nhóm đối tượng điều tra, khảo sát;

- Hàng năm công bố Chỉ số CCHC của các bộ, các tỉnh.

## **2. Yêu cầu**

- Chỉ số CCHC bám sát nội dung Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 ban hành tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ (gọi tắt là Nghị quyết số 30c/NQ-CP).

- Bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của các bộ, các tỉnh và đánh giá thực chất, khách quan kết quả triển khai cải cách hành chính theo chu kỳ năm ở các bộ, các tỉnh.

- Tăng cường sự tham gia đánh giá của cá nhân, tổ chức đối với quá trình triển khai cải cách hành chính của các bộ, các tỉnh.

- Hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất, từng bước ổn định trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương tới địa phương.

## **3. Phạm vi và đối tượng**

- Phạm vi áp dụng là: Công tác theo dõi, đánh giá kết quả triển khai thực hiện cải cách hành chính hàng năm của các bộ, các tỉnh.

- Đối tượng áp dụng là: Các bộ, cơ quan ngang bộ (trừ Văn phòng Chính phủ), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

## **II. CÁC LĨNH VỰC, TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN, THANG ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CỦA CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Chỉ số CCHC cấp bộ**

a) Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần:

Chỉ số CCHC cấp bộ được xác định trên 7 lĩnh vực, 31 tiêu chí và 89 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 6 tiêu chí và 18 tiêu chí thành phần;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ: 6 tiêu chí và 17 tiêu chí thành phần;

- Cải cách thủ tục hành chính: 3 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần;

- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 5 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần;

- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức: 5 tiêu chí và 17 tiêu chí thành phần;

- Đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập: 3 tiêu chí và 6 tiêu chí thành phần;

- Hiện đại hoá hành chính: 3 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần;

Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC cấp bộ được quy định cụ thể tại Bảng 1 (kèm theo).

b) Thang điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá là 100;

- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là 40/100;

Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Bảng 1.

c) Phương pháp đánh giá:

- Tự đánh giá của các bộ: các bộ tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của bộ và các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC cấp bộ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Điểm các bộ tự đánh giá được thể hiện tại cột “Tự đánh giá” của Bảng 1;

- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học: Số tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua điều tra xã hội học là 24, được thể hiện tại cột “Ghi chú” và các dòng có chữ viết tắt “ĐTXHH” của Bảng 1. Việc điều tra xã hội học được tiến hành lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau;

Bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC cấp bộ.

- Điểm tự đánh giá của các bộ sẽ được Bộ Nội vụ xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết. Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là điểm do Bộ Nội vụ thực hiện. Tổng hợp điểm qua điều tra xã hội học và điểm Bộ Nội vụ đánh giá là “Điểm đạt được” thể hiện tại các cột tương ứng của Bảng 1, là căn cứ để tính Chỉ số CCHC cho từng bộ. Chỉ số CCHC được xác định bằng tỉ lệ % giữa “Tổng điểm đạt được” và “Tổng điểm tối đa” (100 điểm). Ngoài Chỉ số CCHC của bộ được thể hiện ở dòng cuối cùng của Bảng 1 còn có các chỉ số theo lĩnh vực, tiêu chí.

## **2. Chỉ số CCHC cấp tỉnh**

a) Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần:

Chỉ số CCHC cấp tỉnh được xác định trên 8 lĩnh vực, 34 tiêu chí và 104 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 6 tiêu chí và 19 tiêu chí thành phần;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh: 3 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần;

- Cải cách thủ tục hành chính: 2 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần;

- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 5 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần;

- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: 6 tiêu chí và 20 tiêu chí thành phần;

- Đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập: 5 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần;

- Hiện đại hoá hành chính: 3 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần;

- Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông: 4 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần;

Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC cấp tỉnh được quy định cụ thể tại Bảng 2 (kèm theo).

b) Thang điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá là 100;

- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là 38/100;

Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Bảng 2.

c) Phương pháp đánh giá:

- Tự đánh giá của các tỉnh: các tỉnh tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh và các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC cấp tỉnh và hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Điểm các tỉnh tự đánh giá được thể hiện tại cột “Tự đánh giá” của Bảng 2;

- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học: Số tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua điều tra xã hội học là 33, được thể hiện tại cột “Ghi chú” và các dòng có chữ viết tắt “ĐTXHH” của Bảng 2. Việc điều tra xã hội học được tiến hành lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau;

Bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC cấp tỉnh.

- Điểm tự đánh giá của các tỉnh sẽ được Bộ Nội vụ xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết. Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là điểm do Bộ Nội vụ thực hiện. Tổng hợp điểm qua điều tra xã hội học và điểm Bộ Nội vụ đánh giá là “Điểm đạt được” thể hiện tại các cột tương ứng của Bảng 2, là căn cứ để tính Chỉ số CCHC cho từng tỉnh. Chỉ số CCHC được xác định bằng tỷ lệ % giữa “Tổng điểm đạt được” và “Tổng điểm tối đa” (100 điểm). Ngoài Chỉ số CCHC của tỉnh được thể hiện ở dòng cuối cùng của Bảng 2 còn có các chỉ số theo lĩnh vực, tiêu chí.

### **III. GIẢI PHÁP**

#### **1. Nâng cao trách nhiệm và hiệu quả chỉ đạo điều hành của các ngành, các cấp đối với việc xác định Chỉ số CCHC**

- Chỉ đạo việc thực hiện các nội dung cải cách hành chính một cách nghiêm túc, có hiệu quả theo kế hoạch cải cách hành chính hàng năm.

- Chỉ đạo việc thực hiện công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính một cách thường xuyên, liên tục, bảo đảm trung thực, khách quan trong việc tổng hợp, thống kê, đánh giá, báo cáo các kết quả cải cách hành chính.

#### **2. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về Chỉ số CCHC**

Việc tuyên truyền, phổ biến mục tiêu, nội dung của Chỉ số CCHC nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và tăng cường sự tham gia, phối hợp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong quá trình theo dõi, đánh giá kết quả triển khai cải cách hành chính hàng năm của các bộ, các tỉnh. Các hình thức tuyên truyền là:

- Tổ chức hội nghị tuyên truyền, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về mục tiêu, ý nghĩa, nội dung và trách nhiệm triển khai Chỉ số CCHC;

- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức cho người dân và xã hội về mục tiêu, ý nghĩa của Chỉ số CCHC;

- Các hình thức tuyên truyền khác: thông qua hội thảo; hội nghị công bố Chỉ số CCHC hàng năm.

#### **3. Bố trí công chức thực hiện thường xuyên công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị hành chính**

- Các bộ: phân công nhiệm vụ cho công chức chuyên trách cải cách hành chính thực hiện công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính của bộ. Các đơn vị thuộc bộ bố trí công chức theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính đối với các lĩnh vực cụ thể theo chức năng của đơn vị mình.

- Các bộ chủ trì các nội dung cải cách hành chính theo sự phân công của Chính phủ tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP tổng hợp tình hình, kết quả triển khai cải cách hành chính đối với lĩnh vực được giao phụ trách để hàng năm phối hợp

với Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan trong việc thẩm định, đánh giá kết quả triển khai cải cách hành chính của các bộ, tỉnh.

- Các tỉnh: phân công nhiệm vụ cho công chức chuyên trách cải cách hành chính tại Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ thực hiện công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính của tỉnh, của huyện. Đối với các sở, ban, ngành, các phòng chuyên môn khác tại cấp huyện có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cho công chức thực hiện theo dõi, tổng hợp kết quả triển khai cải cách hành chính. Tại cấp xã phân công nhiệm vụ cho công chức thực hiện theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai cải cách hành chính của xã để báo cáo cấp huyện theo quy định.

#### **4. Bảo đảm cơ sở vật chất, tài chính**

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhất là công nghệ thông tin trong triển khai xác định Chỉ số CCHC để bảo đảm tính hệ thống trong công tác theo dõi, đánh giá của các cơ quan hành chính.

- Xây dựng phần mềm, cơ sở dữ liệu của Chỉ số CCHC.

- Bố trí đủ kinh phí cho việc thực hiện xác định Chỉ số CCHC.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Trách nhiệm thực hiện**

##### **a) Bộ Nội vụ**

- Vụ Cải cách hành chính:

+ Xây dựng trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành văn bản hướng dẫn các bộ, các tỉnh triển khai công việc xác định Chỉ số CCHC trong phạm vi trách nhiệm của bộ, tỉnh;

+ Hàng năm xây dựng kế hoạch kèm theo dự toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC; chủ trì tổ chức thực hiện sau khi kế hoạch được phê duyệt;

+ Tập huấn, bồi dưỡng cho công chức chuyên trách cải cách hành chính của các bộ, các tỉnh về công tác theo dõi, đánh giá và xác định Chỉ số CCHC;

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền về Chỉ số CCHC trong kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính hàng năm;

+ Theo dõi, đôn đốc các bộ, các tỉnh triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC;

+ Xác định nhóm đối tượng, quy mô mẫu điều tra xã hội học;

+ Xây dựng bộ câu hỏi điều tra xã hội học và chủ trì tổ chức điều tra xã hội học;

+ Tổng hợp, xử lý số liệu để xác định Chỉ số CCHC và xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả Chỉ số CCHC;

+ Trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC hàng năm của các bộ, các tỉnh;

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức công bố Chỉ số CCHC hàng năm;

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát nội dung Chỉ số CCHC để trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế.

- Vụ Kế hoạch - Tài chính:

Phối hợp với Vụ Cải cách hành chính lập dự toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC để tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Nội vụ và gửi Bộ Tài chính theo quy định.

- Các đơn vị khác thuộc Bộ:

Theo chức năng của đơn vị phối hợp với Vụ Cải cách hành chính thực hiện các nhiệm vụ trong triển khai xác định Chỉ số CCHC hàng năm.

b) Các bộ, các tỉnh

+ Triển khai công việc xác định Chỉ số CCHC trong phạm vi trách nhiệm của bộ, tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

+ Tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo xác định Chỉ số CCHC của bộ, tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

+ Phối hợp với Bộ Nội vụ trong việc tổ chức điều tra xã hội học để xác định Chỉ số CCHC của bộ, tỉnh.

+ Các Bộ: Tư pháp; Thông tin và Truyền thông; Khoa học và Công nghệ; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Nội vụ trong việc theo dõi, đánh giá cải cách hành chính đối với từng lĩnh vực cải cách theo phân công của Chính phủ.

+ Các bộ, các tỉnh căn cứ vào Chỉ số CCHC xây dựng và đưa vào triển khai Chỉ số CCHC áp dụng trong nội bộ của bộ, tỉnh phục vụ cho công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính đối với các cơ quan, tổ chức trực thuộc phù hợp với điều kiện thực tế của bộ, tỉnh để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính.

## **2. Tiến độ thực hiện**

a) Giai đoạn 2013 - 2015:

- Triển khai thực hiện xác định Chỉ số CCHC hàng năm;

- Năm 2015, sơ kết việc triển khai xác định Chỉ số CCHC để điều chỉnh, bổ sung.

b) Giai đoạn 2016 - 2020:

- Tiếp tục triển khai thực hiện xác định Chỉ số CCHC;
- Nghiên cứu các giải pháp để triển khai áp dụng có hiệu quả trong việc xác định Chỉ số CCHC;
- Tổng kết việc triển khai xác định Chỉ số CCHC để đề xuất việc hoàn thiện.

### **3. Kinh phí thực hiện**

a) Kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

b) Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho triển khai xác định Chỉ số CCHC hàng năm thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

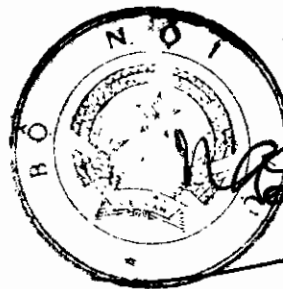
**Điều 2.** Sử dụng Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để tiến hành theo dõi, đánh giá kết quả cải cách hành chính hàng năm của các bộ, cơ quan ngang bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2011 - 2020. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ttA*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Sở Nội vụ các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, CCHC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Tiến Dĩnh**



**Bảng 1**  
**CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP BỘ (PAR INDEX CẤP BỘ)**  
(Kèm theo Quyết định số *1294* /QĐ-BNV ngày *03* /12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
<b>1</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC</b>	<b>16</b>						
<b>1.1</b>	<b>Kế hoạch CCHC năm</b>	<b>3,5</b>						
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời ( <i>trong Quý IV năm trước liền kề năm kế hoạch</i> )	0,5						
	<i>Ban hành kịp thời: 0,5</i>							
	<i>Ban hành không kịp thời: 0,25</i>							
	<i>Không ban hành: 0</i>							
1.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Chương trình CCHC của Chính phủ và bố trí kinh phí triển khai	0,5						
	<i>Xác định đầy đủ nhiệm vụ và có bố trí kinh phí: 0,5</i>							
	<i>Không xác định đầy đủ nhiệm vụ hoặc không bố trí kinh phí: 0</i>							
1.1.3	Các kết quả phải đạt được xác định rõ ràng, cụ thể và	0,5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	định rõ trách nhiệm triển khai của cơ quan, tổ chức							
	<i>Đạt yêu cầu: 0,5</i>							
	<i>Không đạt yêu cầu: 0</i>							
1.1.4	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC	2						
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 2</i>							
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 1,5</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>							
<b>1.2</b>	<b>Báo cáo CCHC</b>	<b>1,5</b>						
1.2.1	Số lượng báo cáo (2 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm)	0,5						
	<i>Đủ số lượng báo cáo: 0,5</i>							
	<i>Không đủ số lượng báo cáo: 0</i>							
1.2.2	Tất cả báo cáo có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn	0,5						
	<i>Đạt yêu cầu: 0,5</i>							
	<i>Không đạt yêu cầu: 0</i>							
1.2.3	Tất cả báo cáo được gửi đúng thời gian quy định	0,5						
	<i>Đúng thời gian quy định: 0,5</i>							
	<i>Không đúng thời gian quy định: 0</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
<b>1.3</b>	<b>Kiểm tra công tác CCHC</b>	<b>2,5</b>						
1.3.1	Kế hoạch kiểm tra CCHC đối với các cơ quan, đơn vị thuộc bộ: vụ, cục, tổng cục... (có KHKT riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm)	0,5						
	Có kế hoạch kiểm tra trên 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5							
	Có kế hoạch kiểm tra từ 20% - 30% số cơ quan, đơn vị: 0,25							
	Có kế hoạch kiểm tra dưới 20% số cơ quan, đơn vị hoặc không có kế hoạch kiểm tra: 0							
1.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	1						
	Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1							
	Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,75							
	Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,5							
	Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0							
1.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						
	Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1							
	Hầu hết các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>Một số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
<b>1.4</b>	<b>Công tác tuyên truyền CCHC</b>	<b>1,5</b>						
1.4.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC (Có kế hoạch tuyên truyền CCHC riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm)	0,5						
	<i>Có kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Không có kế hoạch: 0</i>							
1.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	1						
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,75</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>							
<b>1.5</b>	<b>Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC</b>	<b>2</b>						
1.5.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	1						
	<i>Có thực hiện: 1</i>							
	<i>Không thực hiện: 0</i>							
1.5.2	Sáng kiến trong triển khai công tác CCHC	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>Có sáng kiến: 1</i>							
	<i>Không có sáng kiến: 0</i>							
<b>1.6</b>	<b>Kết quả chỉ đạo, điều hành CCHC của bộ</b>	<b>5</b>						
1.6.1	Chất lượng các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của bộ	1						ĐTXHH
1.6.2	Tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của bộ	1						ĐTXHH
1.6.3	Bố trí nguồn lực (nhân lực, tài chính...) cho công tác CCHC của bộ	1,5						ĐTXHH
1.6.4	Công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ CCHC của bộ	1,5						ĐTXHH
<b>2</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THỂ CHẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ</b>	<b>16,5</b>						
<b>2.1</b>	<b>Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ</b>	<b>2</b>						
2.1.1	Mức độ thực hiện kế hoạch xây dựng VBQPPL hàng năm của bộ đã được phê duyệt	1						
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,75</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	1						
	<i>Đúng quy định: 1</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
<b>2.2</b>	<b>Công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật</b>	<b>2,5</b>						
2.2.1	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0,5						
	<i>Ban hành kịp thời: 0,5</i>							
	<i>Ban hành không kịp thời: 0,25</i>							
	<i>Không ban hành: 0</i>							
2.2.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, hệ thống hoá VBQPPL	1						
	<i>Hoàn thành kế hoạch: 1</i>							
	<i>Không hoàn thành kế hoạch: 0</i>							
2.2.3	Xử lý kết quả rà soát	1						
	<i>Thực hiện đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp: 1</i>							
	<i>Không thực hiện đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp: 0</i>							
<b>2.3</b>	<b>Kiểm tra việc thực hiện VBQPPL do bộ, ngành khác và địa phương ban hành có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của bộ</b>	<b>2,5</b>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
2.3.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra	0,5						
	<i>Ban hành kịp thời: 0,5</i>							
	<i>Ban hành không kịp thời: 0,25</i>							
	<i>Không ban hành: 0</i>							
2.3.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra	1						
	<i>Hoàn thành kế hoạch kiểm tra: 1</i>							
	<i>Không hoàn thành kế hoạch kiểm tra: 0</i>							
2.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						
	<i>Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Hầu hết các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75</i>							
	<i>Một số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
2.4	<b>Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ</b>	2,5						
2.4.1	Ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	0,5						
	<i>Ban hành kịp thời: 0,5</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>Ban hành không kịp thời: 0,25</i>							
	<i>Không ban hành: 0</i>							
2.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1						
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,75</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Thực hiện dưới 50% so với kế hoạch: 0</i>							
2.4.3	Các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	1						
	<i>Có 3 hình thức trở lên: 1</i>							
	<i>Có 2 hình thức: 0,5</i>							
	<i>Có 1 hình thức: 0</i>							
2.5	<b>Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ</b>	2,5						
2.5.1	Ban hành kế hoạch thanh tra	0,5						
	<i>Ban hành kịp thời: 0,5</i>							
	<i>Ban hành không kịp thời: 0,25</i>							
	<i>Không ban hành: 0</i>							
2.5.2	Tỷ lệ cơ quan được thanh tra theo kế hoạch	1						
	<i>Trên 80% số cơ quan trong kế hoạch: 1</i>							



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan trong kế hoạch: 0,75</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan trong kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% số cơ quan trong kế hoạch: 0</i>							
2.5.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua thanh tra	1						
	<i>Tất cả các vấn đề phát hiện qua thanh tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Hầu hết các vấn đề phát hiện qua thanh tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75</i>							
	<i>Một số vấn đề phát hiện qua thanh tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
2.6	<b>Chất lượng thể chế, cơ chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ</b>	<b>4,5</b>						
2.6.1	Tính kịp thời của thể chế, cơ chế, chính sách thuộc phạm vi QLNN của bộ	1,5						ĐTXHH
2.6.2	Tính khả thi của thể chế, cơ chế, chính sách thuộc phạm vi QLNN của bộ	1,5						ĐTXHH
2.6.3	Tính hiệu quả của thể chế, cơ chế, chính sách thuộc phạm vi QLNN của bộ	1,5						ĐTXHH
<b>3</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>14</b>						
3.1	<b>Rà soát, đánh giá, cập nhật thủ tục hành chính</b>	<b>6</b>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
3.1.1	Ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của bộ theo quy định của Chính phủ	0,5						
	<i>Ban hành kịp thời: 0,5</i>							
	<i>Ban hành không kịp thời: 0,25</i>							
	<i>Không ban hành: 0</i>							
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1						
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,75</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>							
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	2						
	<i>Thực hiện sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo thẩm quyền: 1</i>							
	<i>Đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo quy định của Chính phủ: 1</i>							
3.1.4	Cập nhật, công bố TTHC theo quy định của Chính phủ	1						
	<i>Cập nhật, công bố đầy đủ, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan: 1</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>Cập nhật, công bố không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0</i>							
3.1.5	Thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ	0,5						
	<i>Thực hiện đầy đủ quy định của Chính phủ: 0,5</i>							
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định của Chính phủ: 0</i>							
3.1.6	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ	1						
	<i>Tất cả các phản ánh, kiến nghị đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Hầu hết phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75</i>							
	<i>Một số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
<b>3.2</b>	<b>Công khai thủ tục hành chính</b>	<b>2</b>						
3.2.1	Niêm yết công khai TTHC tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết TTHC thuộc bộ	1						
	<i>Niêm yết công khai, đầy đủ: 1</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>Không niêm yết hoặc niêm yết công khai không đầy đủ: 0</i>							
3.2.2	Tỷ lệ TTHC do bộ ban hành được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của bộ	1						
	<i>Trên 80% số TTHC: 1</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số TTHC: 0,75</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số TTHC: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% số TTHC: 0</i>							
<b>3.3</b>	<b>Chất lượng TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ</b>	<b>6</b>						
3.3.1	Sự cần thiết của thủ tục hành chính	2						ĐTXHH
3.3.2	Tính hợp lý của thủ tục hành chính	2						ĐTXHH
3.3.3	Mức độ thuận tiện trong việc thực hiện thủ tục hành chính	2						ĐTXHH
<b>4</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b>	<b>12,5</b>						
4.1	<b>Tuân thủ các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy</b>	<b>1</b>						
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định: 1</i>							
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
4.2	<b>Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của bộ và các đơn vị thuộc bộ</b>	4						
4.2.1	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của bộ	2						ĐTXHH
4.2.2	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc bộ (vụ, cục, tổng cục...)	2						ĐTXHH
4.3	<b>Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc bộ (vụ, cục, tổng cục...)</b>	2,5						
4.3.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra	0,5						
	<i>Có kế hoạch kiểm tra từ trên 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Có kế hoạch kiểm tra từ 20% - 30% số cơ quan, đơn vị: 0,25</i>							
	<i>Có kế hoạch kiểm tra dưới 20% số cơ quan, đơn vị hoặc không có kế hoạch kiểm tra: 0</i>							
4.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	1						
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,75</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>							
4.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Hầu hết các các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75</i>							
	<i>Một số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
<b>4.4</b>	<b>Thực hiện phân cấp quản lý</b>	<b>3</b>						
4.4.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ ban hành	1						
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 1</i>							
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>							
4.4.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ đã phân cấp cho địa phương	1						
	<i>Có thực hiện: 1</i>							
	<i>Không thực hiện: 0</i>							
4.4.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1						
	<i>Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>Hầu hết các các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75</i>							
	<i>Một số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
<b>4.5</b>	<b>Kết quả thực hiện quy chế làm việc của bộ</b>	<b>2</b>						ĐTXHH
<b>5</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC</b>	<b>16,5</b>						
<b>5.1</b>	<b>Xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm</b>	<b>3</b>						
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc bộ (vụ, cục, tổng cục...) có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1						
	<i>Trên 60% số cơ quan, đơn vị: 1</i>							
	<i>Từ 30% - 60% số cơ quan, đơn vị: 0,75</i>							
	<i>Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0</i>							
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1						
	<i>Trên 60% số đơn vị: 1</i>							
	<i>Từ 30% - 60% số đơn vị: 0,75</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>Từ 20% - dưới 30% số đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Dưới 20% số đơn vị: 0</i>							
5.1.3	Mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1						
	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 1</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 0,75</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 0</i>							
<b>5.2</b>	<b>Tuyển dụng và bố trí sử dụng công chức, viên chức</b>	<b>4</b>						
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại khối cơ quan bộ và các đơn vị trực thuộc bộ	1						
	<i>Đúng quy định: 1</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
5.2.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ thực hiện đúng quy định về tuyển dụng viên chức	1						



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>Trên 80% số đơn vị: 1</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số đơn vị: 0,75</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% số đơn vị: 0</i>							
5.2.3	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc bộ (vụ, cục, tổng cục ...) thực hiện bố trí công chức theo đúng quy định của vị trí việc làm và ngạch công chức	1						
	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị: 1</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị: 0,75</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị: 0</i>							
5.2.4	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ thực hiện bố trí viên chức theo đúng quy định của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp	1						
	<i>Trên 80% số đơn vị: 1</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số đơn vị: 0,75</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% số đơn vị: 0</i>							
<b>5.3</b>	<b>Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức</b>	<b>1,5</b>						
5.3.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức	0,5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	hàng năm của bộ							
	<i>Ban hành kịp thời: 0,5</i>							
	<i>Ban hành không kịp thời: 0,25</i>							
	<i>Không ban hành: 0</i>							
5.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức của bộ	1						
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,75</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>							
<b>5.4</b>	<b>Đổi mới công tác quản lý công chức</b>	<b>4</b>						
5.4.1	Đánh giá công chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao	1						
	<i>Có thực hiện: 1</i>							
	<i>Không thực hiện: 0</i>							
5.4.2	Thực hiện thi nâng ngạch theo nguyên tắc cạnh tranh	1						
	<i>Có thực hiện: 1</i>							
	<i>Không thực hiện: 0</i>							
5.4.3	Thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo cấp Vụ và tương đương trở	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	xuống							
	<i>Có thực hiện: 1</i>							
	<i>Không thực hiện: 0</i>							
5.4.4	Chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính	1						
	<i>Có chính sách: 1</i>							
	<i>Không có chính sách: 0</i>							
<b>5.5</b>	<b>Chất lượng công chức</b>	<b>4</b>						
5.5.1	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của công chức	1						ĐTXHH
5.5.2	Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của công chức	1						ĐTXHH
5.5.3	Thái độ phục vụ của công chức	1						ĐTXHH
5.5.4	Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của công chức	1						ĐTXHH
<b>6</b>	<b>ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP</b>	<b>10,5</b>						
6.1	Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính	3,5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
6.1.1	Tỷ lệ cơ quan hành chính thuộc bộ (Cục, Tổng cục và tương đương) triển khai thực hiện	1						
	<i>100% số cơ quan triển khai thực hiện: 1</i>							
	<i>Dưới 100% số cơ quan triển khai thực hiện: 0</i>							
6.1.2	Tác động của việc thực hiện cơ chế tại các cơ quan hành chính	2,5						ĐTXHH
<b>6.2</b>	<b>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>	<b>3,5</b>						
6.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ triển khai thực hiện	1						
	<i>Trên 80% số đơn vị: 1</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số đơn vị: 0,75</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% số đơn vị: 0</i>							
6.2.2	Tác động của việc thực hiện cơ chế tại các đơn vị sự nghiệp công lập	2,5						ĐTXHH
<b>6.3</b>	<b>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập</b>	<b>3,5</b>						
6.3.1	Tỷ lệ tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc bộ thực hiện đề án chuyên đổi cơ chế hoạt động đã được phê duyệt	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>Trên 80% số tổ chức: 1</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số tổ chức: 0,75</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số tổ chức: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% số tổ chức: 0</i>							
6.3.2	Tác động của việc thực hiện cơ chế tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập	2,5						ĐTXHH
<b>7</b>	<b>HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH</b>	<b>14</b>						
<b>7.1</b>	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin của bộ</b>	<b>5,5</b>						
7.1.1	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT của bộ (trong Quý IV năm trước liền kề năm kế hoạch)	0,5						
	<i>Ban hành kịp thời: 0,5</i>							
	<i>Ban hành không kịp thời: 0,25</i>							
	<i>Không ban hành: 0</i>							
7.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT của bộ	1						
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,75</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>							
7.1.3	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc bộ (vụ, cục, tổng cục...) triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng: 1</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng: 0,75</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng: 0</i>							
7.1.4	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc bộ (vụ, cục, tổng cục...) sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	1						
	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 1</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 0,75</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 0</i>							
7.1.5	Mức độ sử dụng thư điện tử trong giải quyết công việc của công chức	1						ĐTXHH
7.1.6	Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	1						
	<i>Tất cả dịch vụ công đều được cung cấp trực tuyến ở mức độ 1 và 2: 0.3</i>							
	<i>Có từ 10 dịch vụ công trở lên được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3: 0.3</i>							
	<i>Có từ 2 dịch vụ công trở lên được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4: 0.4</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
<b>7.2</b>	<b>Chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của bộ</b>	<b>6</b>						
7.2.1	Tính kịp thời của thông tin	2						ĐTXHH
7.2.2	Mức độ đầy đủ của thông tin về các lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ	2						ĐTXHH
7.2.3	Mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin	2						ĐTXHH
<b>7.3</b>	<b>Áp dụng ISO trong hoạt động của các cơ quan hành chính</b>	<b>2,5</b>						
7.3.1	Ban hành danh mục các quy trình áp dụng tiêu chuẩn ISO tại cơ quan bộ	0,5						
	<i>Có ban hành: 0,5</i>							
	<i>Không ban hành: 0</i>							
7.3.2	Tỷ lệ cơ quan hành chính thuộc bộ (cục, tổng cục và tương đương) được cấp chứng chỉ ISO	1						
	<i>Trên 80% số cơ quan: 1</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan: 0.75</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan: 0.5</i>							
	<i>Dưới 50% số cơ quan: 0</i>							
7.3.3	Tỷ lệ cơ quan thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động	1						
	<i>Trên 80% số cơ quan: 1</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	Từ 70% - 80% số cơ quan: 0.75							
	Từ 50% - dưới 70% số cơ quan: 0.5							
	Dưới 50% số cơ quan: 0							

	Tổng điểm tối đa	Tổng điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Chỉ số CCHC (PAR INDEX)
		Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá		
<b>Kết quả đạt được</b>						

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỦ TRƯỞNG** *hct*  


**Nguyễn Tiến Đình**



**Bảng 2**  
**CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (PAR INDEX CẤP TỈNH)**  
(Kèm theo Quyết định số 1204/QĐ-BNV ngày 03/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
<b>1</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC</b>	<b>14</b>						
<b>1.1</b>	<b>Kế hoạch CCHC năm</b>	<b>2,5</b>						
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời (trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch)	0,5						
	Ban hành kịp thời: 0,5							
	Ban hành không kịp thời: 0,25							
	Không ban hành: 0							
1.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Chương trình CCHC của Chính phủ và bố trí kinh phí triển khai	0,5						
	Xác định đầy đủ nhiệm vụ và có bố trí kinh phí: 0,5							
	Không xác định đầy đủ nhiệm vụ hoặc không bố trí kinh phí: 0							
1.1.3	Các kết quả phải đạt được xác định rõ ràng, cụ thể và định rõ trách nhiệm triển khai của cơ quan, tổ chức	0,5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>Đạt yêu cầu: 0,5</i>							
	<i>Không đạt yêu cầu: 0</i>							
1.1.4	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC	1						
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,75</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>							
<b>1.2</b>	<b>Báo cáo CCHC</b>	<b>1,5</b>						
1.2.1	Số lượng báo cáo (2 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm)	0,5						
	<i>Đủ số lượng báo cáo: 0,5</i>							
	<i>Không đủ số lượng báo cáo: 0</i>							
1.2.2	Tất cả báo cáo có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn	0,5						
	<i>Đạt yêu cầu: 0,5</i>							
	<i>Không đạt yêu cầu: 0</i>							
1.2.3	Tất cả báo cáo được gửi đúng thời gian quy định	0,5						
	<i>Đúng thời gian quy định: 0,5</i>							
	<i>Không đúng thời gian quy định: 0</i>							
<b>1.3</b>	<b>Kiểm tra công tác CCHC</b>	<b>2</b>						
1.3.1	Kế hoạch kiểm tra CCHC đối với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện (có KHKT riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm)	0,5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chi số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>Có kế hoạch kiểm tra trên 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Có kế hoạch kiểm tra từ 20% - 30% số cơ quan, đơn vị: 0,25</i>							
	<i>Có kế hoạch kiểm tra dưới 20% số cơ quan, đơn vị hoặc không có kế hoạch kiểm tra: 0</i>							
1.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	0,5						
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,35</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,25</i>							
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>							
1.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						
	<i>Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Hầu hết các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75</i>							
	<i>Một số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
1.4	<b>Công tác tuyên truyền CCHC</b>	<b>2</b>						
1.4.1	<i>Kế hoạch tuyên truyền CCHC (Có kế hoạch tuyên truyền CCHC riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC</i>	0,5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>năm)</i>							
	<i>Có kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Không có kế hoạch: 0</i>							
1.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	0,5						
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,35</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,25</i>							
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>							
1.4.3	Tác động của tuyên truyền đối với việc nâng cao nhận thức của người dân, tổ chức về CCHC	1						ĐTXHH
<b>1.5</b>	<b>Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC</b>	<b>2</b>						
1.5.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	1						
	<i>Có thực hiện: 1</i>							
	<i>Không thực hiện: 0</i>							
1.5.2	Sáng kiến trong triển khai công tác CCHC	1						
	<i>Có sáng kiến: 1</i>							
	<i>Không có sáng kiến: 0</i>							
<b>1.6</b>	<b>Kết quả chỉ đạo, điều hành CCHC của tỉnh</b>	<b>4</b>						
1.6.1	Chất lượng các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của tỉnh	1						ĐTXHH
1.6.2	Tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành	1						ĐTXHH

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	CCHC của tỉnh							
1.6.3	Bố trí nguồn lực (nhân lực, tài chính...) cho công tác CCHC của tỉnh	1						ĐTXHH
1.6.4	Công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ CCHC của tỉnh	1						ĐTXHH
<b>2</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH</b>	<b>10</b>						
<b>2.1</b>	<b>Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh</b>	<b>4,5</b>						
2.1.1	Mức độ thực hiện kế hoạch xây dựng VBQPPL hàng năm của tỉnh đã được phê duyệt	1						
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,75</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>							
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	0,5						
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
2.1.3	Mức độ phù hợp với tình hình thực tế của VBQPPL do tỉnh ban hành	1						ĐTXHH
2.1.4	Tính khả thi của VBQPPL do tỉnh ban hành	1						ĐTXHH
2.1.5	Tính hiệu quả của VBQPPL do tỉnh ban hành	1						ĐTXHH
<b>2.2</b>	<b>Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm</b>	<b>2</b>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<b>pháp luật</b>							
2.2.1	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0,5						
	<i>Ban hành kịp thời: 0,5</i>							
	<i>Ban hành không kịp thời: 0,25</i>							
	<i>Không ban hành: 0</i>							
2.2.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0,5						
	<i>Hoàn thành kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Không hoàn thành kế hoạch: 0</i>							
2.2.3	Xử lý kết quả rà soát	1						
	<i>Thực hiện đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp: 1</i>							
	<i>Không thực hiện đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp: 0</i>							
2.3	<b>Tổ chức và kiểm tra việc thực hiện VBQPPL tại tỉnh</b>	3,5						
2.3.1	Tổ chức triển khai thực hiện VBQPPL do Trung ương ban hành	1						
	<i>Trên 80% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 1</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 0,75</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>Từ 50% - dưới 70% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 0</i>							
2.3.2	Ban hành kế hoạch kiểm tra việc thực hiện VBQPPL tại tỉnh	0,5						
	<i>Ban hành kịp thời: 0,5</i>							
	<i>Ban hành không kịp thời: 0,25</i>							
	<i>Không ban hành: 0</i>							
2.3.3	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	1						
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,75</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>							
2.3.4	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						
	<i>Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Hầu hết các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75</i>							
	<i>Một số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
<b>3</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>10</b>						
<b>3.1</b>	<b>Rà soát, đánh giá, cập nhật thủ tục hành chính</b>	<b>6</b>						
3.1.1	Ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của tỉnh theo quy định của Chính phủ	0,5						
	<i>Ban hành kịp thời: 0,5</i>							
	<i>Ban hành không kịp thời: 0,25</i>							
	<i>Không ban hành: 0</i>							
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1						
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,75</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>							
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	2						
	<i>Thực hiện sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo thẩm quyền: 1</i>							
	<i>Đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo quy định của Chính phủ: 1</i>							
3.1.4	Cập nhật, công bố TTHC theo quy định của Chính phủ	1						
	<i>Cập nhật, công bố đầy đủ, kịp thời TTHC và các quy</i>							



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>định có liên quan: 1</i>							
	<i>Cập nhật, công bố không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0</i>							
3.1.5	Thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	0,5						
	<i>Thực hiện đầy đủ quy định của Chính phủ: 0,5</i>							
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định của Chính phủ: 0</i>							
3.1.6	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1						
	<i>Tất cả các phản ánh, kiến nghị đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Hầu hết phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75</i>							
	<i>Một số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
<b>3.2</b>	<b>Công khai thủ tục hành chính</b>	<b>4</b>						
3.2.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã công khai đầy đủ, đúng quy định TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2						
	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị: 2</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị: 1,5</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị: 1</i>							
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị: 0</i>							
3.2.2	Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của tỉnh	2						
	<i>Trên 80% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định: 2</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định: 1,5</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định: 1</i>							
	<i>Dưới 50% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định: 0</i>							
<b>4</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b>	<b>12,5</b>						
4.1	<b>Tuân thủ các quy định của Chính phủ, các bộ về tổ chức bộ máy</b>	<b>1</b>						
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định: 1</i>							
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0</i>							
4.2	<b>Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện</b>	<b>4</b>						
4.2.1	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ	2						ĐTXHH

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	quan chuyên môn cấp tỉnh							
4.2.2	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các phòng thuộc UBND cấp huyện	2						ĐTXHH
<b>4.3</b>	<b>Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện</b>	<b>2,5</b>						
4.3.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra	0,5						
	<i>Có kế hoạch kiểm tra từ trên 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Có kế hoạch kiểm tra từ 20% - 30% số cơ quan, đơn vị: 0,25</i>							
	<i>Có kế hoạch kiểm tra dưới 20% số cơ quan, đơn vị hoặc không có kế hoạch kiểm tra: 0</i>							
4.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	1						
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,75</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>							
4.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						
	<i>Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Hầu hết các các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>Một số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
<b>4.4</b>	<b>Thực hiện phân cấp quản lý</b>	<b>3</b>						
4.4.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ ban hành	1						
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 1</i>							
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>							
4.4.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp cho cấp huyện và các đơn vị trực thuộc	1						
	<i>Có thực hiện: 1</i>							
	<i>Không thực hiện: 0</i>							
4.4.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1						
	<i>Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Hầu hết các các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75</i>							
	<i>Một số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
<b>4.5</b>	<b>Kết quả thực hiện quy chế làm việc của tỉnh</b>	<b>2</b>						ĐTXHH

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
5	<b>XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC</b>	<b>14,5</b>						
5.1	<b>Xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm</b>	<b>2</b>						
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan hành chính (Sở và tương đương ở tỉnh, phòng và tương đương ở huyện) có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	0,5						
	<i>Trên 60% số cơ quan: 0,5</i>							
	<i>Từ 30% - 60% số cơ quan: 0,35</i>							
	<i>Từ 20% - 30% dưới số cơ quan: 0,25</i>							
	<i>Dưới 20% số cơ quan: 0</i>							
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, thuộc huyện có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	0,5						
	<i>Trên 60% số đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Từ 30% - 60% số đơn vị: 0,35</i>							
	<i>Từ 20% - dưới 30% số đơn vị: 0,25</i>							
	<i>Dưới 20% số đơn vị: 0</i>							
5.1.3	Mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1						
	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt : 1</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 0,75</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 0</i>							
<b>5.2</b>	<b>Tuyển dụng và bố trí sử dụng công chức, viên chức</b>	<b>2</b>						
5.2.1	Tỷ lệ cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức	0,5						
	<i>Trên 80% số cơ quan: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan: 0,35</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan: 0,25</i>							
	<i>Dưới 50% số cơ quan: 0</i>							
5.2.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện đúng quy định về tuyển dụng viên chức	0,5						
	<i>Trên 80% số đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số đơn vị: 0,35</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số đơn vị: 0,25</i>							
	<i>Dưới 50% số đơn vị: 0</i>							
5.2.3	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện bố trí công chức theo đúng	0,5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	quy định của vị trí việc làm và ngạch công chức							
	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị: 0,35</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị: 0,25</i>							
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị: 0</i>							
5.2.4	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, thuộc huyện thực hiện bố trí viên chức theo đúng quy định của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp	0,5						
	<i>Trên 80% số đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số đơn vị: 0,35</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số đơn vị: 0,25</i>							
	<i>Dưới 50% số đơn vị: 0</i>							
<b>5.3</b>	<b>Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức</b>	<b>1,5</b>						
5.3.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức hàng năm của tỉnh	0,5						
	<i>Ban hành kịp thời: 0,5</i>							
	<i>Ban hành không kịp thời: 0,25</i>							
	<i>Không ban hành: 0</i>							
5.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức của tỉnh	1						
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,75</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>							
<b>5.4</b>	<b>Đổi mới công tác quản lý công chức</b>	<b>2</b>						
5.4.1	Đánh giá công chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao	0,5						
	<i>Có thực hiện: 0,5</i>							
	<i>Không thực hiện: 0</i>							
5.4.2	Thực hiện thi nâng ngạch theo nguyên tắc cạnh tranh	0,5						
	<i>Có thực hiện: 0,5</i>							
	<i>Không thực hiện: 0</i>							
5.4.3	Thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo cấp sở và tương đương trở xuống	0,5						
	<i>Có thực hiện: 0,5</i>							
	<i>Không thực hiện: 0</i>							
5.4.4	Chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính	0,5						
	<i>Có chính sách: 0,5</i>							
	<i>Không có chính sách: 0</i>							
<b>5.5</b>	<b>Chất lượng công chức</b>	<b>4</b>						
5.5.1	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của công chức	1						ĐTXHH
5.5.2	Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của công chức	1						ĐTXHH



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
5.5.3	Thái độ phục vụ của công chức	1						ĐTXHH
5.5.4	Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của công chức	1						ĐTXHH
<b>5.6</b>	<b>Cán bộ, công chức cấp xã</b>	<b>3</b>						
5.6.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	1						
	<i>Trên 80% công chức cấp xã đạt chuẩn: 1</i>							
	<i>Từ 70% - 80% công chức cấp xã đạt chuẩn: 0,75</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% công chức cấp xã đạt chuẩn: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% công chức cấp xã đạt chuẩn: 0</i>							
5.6.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	1						
	<i>Trên 80% cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 1</i>							
	<i>Từ 70% - 80% cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0,75</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0</i>							
5.6.3	Tỷ lệ số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	1						
	<i>Trên 70% số cán bộ, công chức: 1</i>							
	<i>Từ 50% - 70% số cán bộ, công chức: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% số cán bộ, công chức: 0</i>							
<b>6</b>	<b>ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP</b>	<b>13</b>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
6.1	<b>Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính</b>	2						
6.1.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện triển khai thực hiện	1						
	<i>100% số cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện: 1</i>							
	<i>Dưới 100% số cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện: 0</i>							
6.1.2	Tác động của việc thực hiện cơ chế tại các cơ quan hành chính	1						ĐTXHH
6.2	<b>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>	2						
6.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện triển khai thực hiện cơ chế	1						
	<i>Trên 80% số đơn vị: 1</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số đơn vị: 0,75</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% số đơn vị: 0</i>							
6.2.2	Tác động của việc thực hiện cơ chế tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1						ĐTXHH
6.3	<b>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập</b>	2						
6.3.1	Tỷ lệ tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc tỉnh, thuộc huyện thực hiện đề án chuyển đổi cơ chế	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	hoạt động đã được phê duyệt							
	<i>Trên 80% số tổ chức: 1</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số tổ chức: 0,75</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số tổ chức: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% số tổ chức: 0</i>							
6.3.2	Tác động của việc thực hiện cơ chế tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập	1						ĐTXHH
<b>6.4</b>	<b>Chất lượng cung cấp dịch vụ y tế công của địa phương</b>	<b>4</b>						
6.4.1	Năng lực chuyên môn của đội ngũ viên chức y tế tại địa phương	1						ĐTXHH
6.4.2	Kết quả khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế tại địa phương	1						ĐTXHH
6.4.3	Thái độ phục vụ của đội ngũ viên chức y tế tại địa phương	1						ĐTXHH
6.4.4	Các hiện tượng tiêu cực ở các cơ sở khám, chữa bệnh tại địa phương	1						ĐTXHH
<b>6.5</b>	<b>Chất lượng cung cấp dịch vụ giáo dục công của địa phương</b>	<b>3</b>						
6.5.1	Năng lực chuyên môn của đội ngũ giáo viên phổ thông tại địa phương	1						ĐTXHH
6.5.2	Chất lượng dạy và học của các trường phổ thông tại địa phương	1						ĐTXHH

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
6.5.3	Các hiện tượng tiêu cực ở các trường phổ thông tại địa phương	1						ĐTXHH
<b>7</b>	<b>HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH</b>	<b>12,5</b>						
<b>7.1</b>	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh</b>	<b>6,5</b>						
7.1.1	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh (trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch)	0,5						
	<i>Ban hành kịp thời: 0,5</i>							
	<i>Ban hành không kịp thời: 0,25</i>							
	<i>Không ban hành: 0</i>							
7.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh	1						
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,75</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>							
7.1.3	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	0,5						
	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng : 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng : 0,35</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị triển khai ứng</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>dụng : 0,25</i>							
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng : 0</i>							
7.1.4	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	0,5						
	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 0,35</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 0,25</i>							
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 0</i>							
7.1.5	Mức độ sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc của cán bộ, công chức	1						ĐTXHH
7.1.6	Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2,5						
	<i>Tất cả dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 1 và 2: 0,5</i>							
	<i>Có từ 10 dịch vụ công trở lên được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3: 1</i>							
	<i>Có từ 2 dịch vụ công trở lên được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4: 1</i>							
7.1.7	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện có Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử	0,5						
	<i>Trên 80% số cơ quan: 0,5</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>Từ 70%-80% số cơ quan: 0,35</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan: 0,25</i>							
	<i>Dưới 50% số cơ quan: 0</i>							
<b>7.2</b>	<b>Chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của tỉnh</b>	<b>3</b>						
7.2.1	Tính kịp thời của thông tin	1						ĐTXHH
7.2.2	Mức độ đầy đủ của thông tin về các lĩnh vực quản lý nhà nước của tỉnh	1						ĐTXHH
7.2.3	Mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin	1						ĐTXHH
<b>7.3</b>	<b>Áp dụng ISO trong hoạt động của các cơ quan hành chính</b>	<b>3</b>						
7.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện được cấp chứng chỉ ISO	1						
	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị: 1</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị: 0,75</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị: 0</i>							
7.3.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã được cấp chứng chỉ ISO	1						
	<i>Trên 70% số đơn vị: 1</i>							
	<i>Từ 50% - 70% số đơn vị: 0,75</i>							
	<i>Từ 30% - dưới 50% số đơn vị: 0,5</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>Dưới 30% số đơn vị: 0</i>							
7.3.3	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động	1						
	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị: 1</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị: 0,75</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị: 0</i>							
<b>8</b>	<b>THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG</b>	<b>13,5</b>						
<b>8.1</b>	<b>Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>	<b>1,5</b>						
8.1.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có giải quyết công việc liên quan trực tiếp tới tổ chức, cá nhân triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông	0,5						
	<i>Trên 80% số cơ quan: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan: 0,35</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan: 0,25</i>							
	<i>Dưới 50% số cơ quan: 0</i>							
8.1.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông ( <i>trừ các huyện được Thủ tướng Chính phủ cho phép chưa thực hiện</i> )	0,5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>Trên 80% số đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số đơn vị: 0,35</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số đơn vị: 0,25</i>							
	<i>Dưới 50% số đơn vị: 0</i>							
8.1.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông ( <i>trừ các xã được Thủ tướng Chính phủ cho phép chưa thực hiện</i> )	0,5						
	<i>Trên 80% số đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số đơn vị: 0,35</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số đơn vị: 0,25</i>							
	<i>Dưới 50% số đơn vị: 0</i>							
<b>8.2</b>	<b>Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>	<b>4</b>						
8.2.1	Số lượng các TTHC thực hiện ở địa phương được giải quyết theo cơ chế một cửa	2						
	<i>Trên 80% số lượng TTHC: 2</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số lượng TTHC: 1,5</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số lượng TTHC: 1</i>							
	<i>Dưới 50% số lượng TTHC: 0</i>							
8.2.2	Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	2						
	<i>Từ 15 TTHC trở lên: 2</i>							



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
	<i>Từ 10 - 14 TTHC: 1,5</i>							
	<i>Từ 5-9 TTHC: 1</i>							
	<i>Dưới 5 TTHC: 0</i>							
<b>8.3</b>	<b>Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và mức độ hiện đại hoá của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</b>	<b>2</b>						
8.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định	1						
	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị: 1</i>							
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị: 0,75</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị: 0</i>							
8.3.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại	1						
	<i>Trên 50% số đơn vị trở lên: 1</i>							
	<i>Từ 30% - 50% số đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Dưới 30% số đơn vị : 0</i>							
<b>8.4</b>	<b>Chất lượng phục vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</b>	<b>6</b>						
8.4.1	Nơi đón tiếp tổ chức, cá nhân	1,5						ĐTXHH
8.4.2	Thái độ phục vụ của công chức tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1,5						ĐTXHH

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá			
8.4.3	Thời gian giải quyết TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1,5						ĐTXHH
8.4.4	Chất lượng giải quyết TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1,5						ĐTXHH

	Tổng điểm tối đa	Tổng điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Chỉ số CCHC (PAR INDEX)
		Điều tra XHH	Tự đánh giá	BNV đánh giá		
<b>Kết quả đạt được</b>						

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG *thb*



*Nguyễn Tiến Dĩnh*

Nguyễn Tiến Dĩnh